

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST

Ngày: 28/3/2024

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Kinh** và Ông **Nguyễn Văn Hoà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 36/2023/TB-TLST ngày 11/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-KDTM ngày 07/3/2024, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P). Trụ sở: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đã ủy quyền cho: Ông Mai Xuân T và bà Hồ Việt H. Theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVBT, ký ngày 10/6/2020.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc H1, ông Đỗ V, ông Phạm Đức A. Theo giấy ủy quyền số 8725 ngày 24/4/2023.

(Ông Đức A có mặt tại phiên tòa)

* **Bị đơn:** Công ty cổ phần Đ1. Trụ sở: Số E ngõ A T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H2, chức vụ: Giám đốc. Nơi ở hiện tại: Số A phố T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ theo ứng dụng zalo theo số điện thoại 0919518833.

(Bà H2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Phạm Đức A trình bày như sau:**

Ngày 21/01/2020, Ngân hàng TMCP Đ (P) với Công ty CP Đ1 (đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị H2, chức vụ Giám đốc) đã ký kết Hợp đồng cho vay số 53/2020/HĐCV/PVB-HBT, với nội dung cơ bản như sau:

Số tiền vay: 496.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 72 tháng; Mục đích sử dụng số tiền vay: Vay mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại.

Lãi suất: Từ ngày 22/01/2020 đến hết ngày 21/01/2021 lãi suất bằng: 9.49%/năm. Từ ngày 22/01/2021, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng LSCS + Biên độ tối thiểu 4,3 %/năm (Trong đó LSCS: là lãi suất tiền gửi đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng VND, kỳ hạn 13 tháng, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng C1 từng thời kỳ). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Căn cứ theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 90/2020/HĐBĐ/PVB-HBT 21/01/2020, tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô con nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER, BKS số 30G-218.29, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 619268 do Phòng C2 công an thành phố H cấp ngày 20/01/2020 mang tên Công ty CP Đ1. Tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng: Ngày 22/01/2020, Ngân hàng TMCP Đ (P) đã thực hiện giải ngân cho Công ty CP Đ1 số tiền 496.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Công ty CP Đ1 đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho P, cụ thể: Nợ gốc đã trả là 29.133.630 đồng, nợ lãi đã trả là 16.251.262 đồng, tổng nợ đã trả là 45.384.892 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho P. Từ ngày 25/5/2020, khách hàng không trả được khoản vay theo kế hoạch trả nợ, khoản nợ chuyển sang quá hạn.

Ngày 15/12/2020, P đã gửi Công văn số 22026/PVB-QL&TCTTS việc vi phạm nghĩa vụ và thu hồi nợ trước hạn, yêu cầu Công ty CP Đ1 phải thanh toán dứt điểm toàn bộ khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác tại P. Tuy nhiên, khách hàng không thực hiện được.

Ngày 04/01/2021, P đã gửi Công văn số 77/PVB-QL&TCTTS về việc yêu cầu Công ty CP Đ1 tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ. Tuy nhiên, khách hàng không thực hiện được.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty CP Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho P tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/01/2024 là: **732,407,277 đồng**, trong đó nợ gốc là 466.866.370 đồng và nợ lãi (trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi) là 265,540,907 đồng.

Buộc Công ty CP Đ1 phải trả cho P các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/01/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trong trường hợp Công ty CP Đ1 không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER, BKS số 30G-218.29, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 619268 do Phòng C2 công an thành phố H cấp ngày 20/01/2020 mang tên Công ty CP Đ1. Thế chấp tại P theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 90/2020/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 21/01/2020 để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty CP Đ1 tại P, thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của Công ty CP Đ1 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty CP Đ1 tại P.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - Công ty cổ phần Đ1, đại diện theo pháp luật bà Trần Thị H2 có ý kiến tại văn bản đề ngày 24/11/2023 và các ý kiến tiếp theo như sau:***

Bà H2 xác nhận Công ty cổ phần Đ1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có ký kết Hợp đồng cho vay số 53 ngày 21/01/2020 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 90 ngày 21/01/2020.

Theo thỏa thuận của hợp đồng cho vay, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã giải ngân cho Công ty cổ phần Đ1 số tiền 496.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER, BKS số 30G-218.29 bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp cho bên bán là Công ty Cổ phần Ô vào ngày 22/01/2020.

Giá nguyên thủy chiếc xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER vào thời điểm ngày 21/01/2020 là 620.000.000 đồng chưa bao gồm thuế, phí.

Sau khi ký kết hợp đồng cho vay, Công ty cổ phần Đ1 đã trả được cho Ngân hàng theo thỏa thuận tổng số tiền bà H2 không nhớ nhưng trả được 04 kỳ.

Do dịch bệnh C và khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên Công ty cổ phần Đ1 đã không thực hiện được thỏa thuận trả nợ.

Hiện nay, Công ty cổ phần Đ1 đang tạm dừng hoạt động kinh doanh nhưng không làm thủ tục với Cơ quan Thuế quận Đ, Công ty đang nợ thuế chưa trả được. Công ty không còn hoạt động tại trụ sở số E ngõ A T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội do chủ nhà không cho thuê, lấy lại mặt bằng để bán nhà.

Bà H2 hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà thuê ở số A phố T, quận Đ, H, Hà Nội. Đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng cho bà H2 theo ứng dụng Zalo theo số điện thoại 09.19.51.88.33.

Thực tế, bà H2 đã bàn giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER, BKS số 30G-218.29 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ vào ngày 10/11/2023, hai bên chưa lập biên bản bàn giao tài sản thế chấp này. Quá trình Công ty sử dụng xe, xe chỉ mới lăn bánh được khoảng 14.000km.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, bà H2 đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ miễn, giảm lãi cho Công ty và cho phép bà H2 tự bán xe để thu tiền trả cho Ngân hàng, đồng thời bà H2 sẽ có phương án trả số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng.

***Tại phiên tòa:**

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đức A trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, về số liệu khoản nợ tính đến ngày 27/3/2024, đề nghị HĐXX giải quyết: tổng số tiền gốc và lãi là 749.007.468 đồng, trong đó nợ gốc là 466.866.370 đồng và nợ lãi (trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi) là 282.141.098 đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án: Tranh chấp trong vụ việc là quan hệ tín dụng với mục đích kinh doanh giữa hai tổ chức đều có đăng ký kinh doanh, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Căn cứ vào Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Điều 9 khoản 9.2 của Hợp đồng cho vay số 53/2020/HĐCV/PVB-HBT ngày 21/01/2020, các bên thỏa thuận “Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ do Hai bên thương lượng, giải quyết trên tinh thần thiện chí Trường hợp không giải quyết được thông qua thương lượng được ...có quyền khởi kiện tại Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn”. Trụ sở của nguyên đơn tại số B phố N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2]. Ngày 07/3/2024, HĐXX đã hoãn phiên tòa do bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 28/4/2024, HĐXX tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Hợp đồng cho vay số 53/2020/HĐCV/PVB-HBT ngày 21/01/2020 đã ký kết giữa hai bên có hình thức bằng văn bản, các bên tự nguyện ký kết hợp đồng và đảm bảo về chủ thể ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng tín dụng đã không vi phạm các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.1]. Các tài liệu do P giao nộp cho thấy đã giải ngân cho Công ty cổ phần Đ1 số tiền 496.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER, BKS số 30G-218.29 bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp cho bên bán là Công ty Cổ phần Ô vào ngày 22/01/2020. Công ty cổ phần Đ1 do bà Trần Thị H2 là người đại diện theo pháp luật xác nhận nội dung giải ngân theo yêu cầu của Công ty.

[3.2]. Theo tài liệu “Bảng tính lãi của khách hàng” do P giao nộp, Công ty cổ phần Đ1 đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho P, cụ thể: Nợ gốc đã trả là 29.133.630 đồng, nợ lãi đã trả là 16.251.262 đồng, tổng nợ đã trả là 45.384.892 đồng. Từ ngày 25/5/2020, bị đơn không thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận, khoản nợ chuyển sang quá hạn. Như vậy, Công ty cổ phần Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ theo Điều 3 về Trả nợ gốc, lãi, phí, lãi chậm trả, Điều 6 về Nghĩa vụ thanh toán.. theo hợp đồng, phát sinh nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

[3.3]. Thời hạn cho vay 72 tháng (06 năm) theo Khế ước nhận nợ ngày 22/01/2020 tức ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 22/01/2026 đồng thời kết thúc việc tính lãi trong hạn.

[3.4]. Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận lãi suất tính đến ngày 21/12/2020 là 9.49%/năm, sau đó có điều chỉnh, có biên độ, P giao nộp tài liệu chứng minh về lãi

suất áp dụng có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo yêu cầu khởi kiện.

[3.5]. Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 90/2020/HĐBĐ/PVB-HBT 21/01/2020, tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô con nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER, BKS số 30G-218.29, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 619268 do Phòng C2 công an thành phố H cấp ngày 20/01/2020 mang tên Công ty CP Đ1. Tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Hiện ngân hàng đang cầm giữ xe ô tô, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Hợp đồng thế chấp có hình thức bằng văn bản, tự nguyện ký cam kết, nội dung cam kết không vi phạm pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội.

Công ty CP Đ1. đã không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng, phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc lãi nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị được tuyên quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ có căn cứ theo Điều 317, Điều 320, Điều 323 của Bộ Luật dân sự 2015.

[3.6]. Với phân tích trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, 117, 122, 317, 320, 323 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 8 khoản 1 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản; lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn - Công ty CP Đ1;

1.1. Buộc Công ty CP Đ1 có nghĩa vụ trả cho P tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/3/2024 là: **749.007.468 đồng (Bảy trăm bốn mươi chín triệu, không trăm linh bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng)**, theo Hợp đồng cho vay số 53/2020/HĐCV/PVB-HBT ngày 21/01/2020, Khế ước nhận nợ ngày 22/01/2020, trong đó:

+ Nợ gốc là 466.866.370 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 147.063.749 đồng

+ Nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi: 135.077.349 đồng.

1.2. Buộc Công ty CP Đ1 trả cho P các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 53/2020/HĐCV/PVB-HBT ngày 21/01/2020, Khế ước nhận nợ ngày 22/01/2020, kể từ ngày 28/3/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

1.3. Trong trường hợp Công ty CP Đ1 không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER, BKS số 30G-218.29, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 619268 do Phòng C2 công an thành phố H cấp ngày 20/01/2020 mang tên Công ty CP Đ1. Thế chấp tại P theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 90/2020/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 21/01/2020 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty CP Đ1 tại P, thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của Công ty CP Đ1 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty CP Đ1 tại P.

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại 12.700.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, theo B lại tạm ứng án phí số AA/2020/0052704 ngày 11/10/2023.

2.2. Công ty CP Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.960.299 đồng (Ba mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo uỷ quyền của P.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty CP Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS
quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ